

Bản án số: 35/2019/DS-ST

Ngày: 22/7/2019.

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

Địa chỉ: Tháp BIDV số 35, Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức Tú** – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Đơn vị được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh BT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Ngọc B** - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh BT.

Địa chỉ: số 21 Đại lộ Đồng Khởi, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Đỗ Ngọc B ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Minh Th**, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: 436D ấp An Thuận A, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Nh**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 3A4, khu phố Bình Khởi, phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2019, bản tự khai ngày 17/5/2019 cùng những lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh Th trình bày:*

Bà Lê Thị Nh ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh BT để vay số tiền 150.000.000đ, mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay là 50 tháng, lãi suất thả nổi được điều chỉnh cụ thể: từ ngày 15/12/2016 đến ngày 30/11/2018 áp dụng lãi suất 12,5%/năm, từ ngày 01/12/2018 đến nay lãi suất 12,7%/năm, khi vay không thế chấp tài sản, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 15 dương lịch hàng tháng với số tiền vốn 3.000.000 đồng, kỳ đầu tiên trả là ngày 10/01/2017, kỳ trả cuối cùng (tất nợ) là ngày 15/02/2021 với số tiền 3.000.000 đồng, trả lãi theo kỳ trả nợ gốc.

Trong thời gian vay, bà Nh đã trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 75.500.000đ, đến kỳ trả nợ là ngày 13/12/2017 bà Nh không thực hiện trả nợ định kỳ như thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 14/12/2017 số nợ vốn vay của bà Nh là 74.500.000 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam yêu cầu bà Lê Thị Nh trả số tiền vay tính đến ngày 02/4/2019 là 84.172.605 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 74.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.637.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 34.660 đồng, đồng thời yêu cầu bà Nh tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 15/12/2016 tính từ ngày 03/4/2019 đến khi bà Nh thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

** Bà Lê Thị Nh không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng Ngân hàng yêu cầu bà Nh trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, do đó xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Bà Lê Thị Nh có đăng ký hộ khẩu tại số nhà 3A4, khu phố Bình Khởi, phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nhưng theo xác nhận của Công an phường C, thành phố BT xác định bà Nh không còn sinh sống tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù hiện nay bà Nh không còn sinh sống tại địa chỉ trên nhưng tại thời điểm vay tiền của Ngân hàng thì bà Nh còn sinh sống tại địa

chỉ này và khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới bà Nh không thông báo cho Ngân hàng biết nên xác định bà Nh cố tình giấu địa chỉ của bà. Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn và hợp đồng tín dụng ngày 15/12/2016 có ghi địa chỉ của bà Nh tại số nhà 3A4, khu phố Bình Khởi, phường C, thành phố BT nên Hội đồng xét xử xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Lê Thị Nh đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 xác định bà Nh đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng, thời hạn vay là 50 tháng, lãi suất thả nổi được điều chỉnh từ ngày 15/12/2016 đến hết ngày 30/11/2018 là 12,2%/năm, từ ngày 01/12/2018 đến nay lãi suất 12,7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kỳ hạn trả nợ gốc là ngày 10 dương lịch hàng tháng với số tiền vốn phải trả là 3.000.000 đồng, kỳ đầu tiên là ngày 10/01/2017, kỳ trả cuối cùng (tất nợ) là ngày 15/02/2021 với số tiền 3.000.000 đồng, trả lãi theo kỳ trả nợ gốc. Vào ngày 15/12/2016 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho bà Nh.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Lê Thị Nh trả số tiền vay còn nợ tính đến ngày 02/4/2019 là 84.172.605 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 74.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.637.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 34.660 đồng, đồng thời yêu cầu bà Nh tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 03/4/2019 cho đến khi bà Nh thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016, giấy đề nghị vay vốn ngày 15/12/2016 cho thấy bà Nh đã nhận đầy đủ số tiền vay của Ngân hàng nhưng đến ngày 13/12/2017 thì không thực hiện việc trả tiền vốn, lãi khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay do hai bên ký kết tại khoản 5 Điều 7 của hợp đồng tín dụng ngày 15/12/2016, vì vậy Ngân hàng yêu cầu bà Nh trả số tiền nợ vốn vay là 74.500.000đ đồng tính đến ngày 02/4/2019 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu bà Nh trả số tiền lãi tính đến ngày 02/4/2019 là 9.672.605 đồng, trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 9.637.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 34.660 đồng, đồng thời yêu cầu bà Nh còn phải trả lãi suất quá hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 03/4/2019 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bà Nh không thanh toán tiền vay và tiền lãi cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký nên Ngân hàng yêu cầu bà Nh trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 là có căn cứ

nên được chấp nhận, cụ thể bà Nh phải trả tiền lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 02/4/2019 là 9.673.605 đồng, ngoài ra bà Nh còn phải trả lãi suất cho Ngân hàng tính từ ngày 03/4/2019 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn, lãi bà Nh phải trả cho Ngân hàng tính từ ngày 14/12/2017 cho đến ngày 02/4/2019 là 84.172.605đ (Tám mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ năm đồng), trong đó, tiền nợ gốc là 74.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.673.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 34.660 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của Ngân hàng được xem xét chấp nhận nên Ngân hàng được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho theo quy định tại Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bà Nh là người phải trả nợ cho Ngân hàng nên bà Nh phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Cụ thể: 84.172.605 đồng x 5% = 4.208.600đ (Bốn triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91, khoản 2, 3 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với bà Lê Thị Nh.

2. Buộc bà Lê Thị Nh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam tính đến ngày 02/4/2019 số tiền là 84.172.605đ (Tám mươi bốn triệu một trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ năm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 74.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.673.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 34.660 đồng.

Bà Nh còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc phải trả cho Ngân hàng kể từ ngày 03/4/2019 theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐ ngày 15/12/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lê Thị Nh phải nộp là 4.208.600đ (Bốn triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.104.000đ (Hai triệu một trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002614 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi

hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lê Thị Nh được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Thanh Thúy Trần Văn Hưng

Nguyễn Thị Diễm Châu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu